

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 365/HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2024 và Thông báo số 361/TB-HĐND ngày 15/10/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả Hội nghị liên tịch giữa Thường trực HĐND tỉnh với UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh về nội dung, chương trình và thời gian tổ chức kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) và kỳ họp cuối năm 2024 của HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 202/TTr-SLĐTBXH ngày 17/10/2024, Công văn số 3167/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 18/11/2024,

UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Phước và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo¹.
- Cấp huyện: 11 đơn vị cấp huyện đã kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG theo quy định.

Ban Chỉ đạo đã giúp UBND tỉnh và các địa phương nghiên cứu, chỉ đạo, giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình MTQG đảm bảo đúng quy định, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Trên cơ sở nhiệm vụ được UBND tỉnh giao các ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động, phối hợp triển khai các nội dung theo

¹. Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 14/4/2022.

lĩnh vực của từng ngành, chịu trách nhiệm quản lý, đôn đốc thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chủ trì Chương trình.

Các sở, ngành là thành viên của Ban chỉ đạo theo chức năng nhiệm vụ đã chủ động chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình và các chính sách giảm nghèo hiện hành (y tế, giáo dục, hỗ trợ phát triển sản xuất, tín dụng ưu đãi ...); hướng dẫn các địa phương thực hiện phân bổ, sử dụng và quản lý kinh phí thực hiện Chương trình, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện của các địa phương.

Nhìn chung, việc điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình tương đối chặt chẽ, các cấp, các ngành có tinh thần trách nhiệm cao với công tác giảm nghèo bền vững trong đó có việc xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách đặc thù của tỉnh về công tác giảm nghèo - Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 04 Nghị quyết; sửa đổi, bổ sung 04 Nghị quyết; ban hành 02 Quyết định quy phạm pháp luật; 06 Kế hoạch gồm Kế hoạch tuyên truyền, Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, 04 Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững hằng năm; 11 Quyết định phân bổ các nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ, vốn đối ứng của tỉnh và nhiều văn bản khác để triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững².

100% các đơn vị cấp huyện, cấp xã đã ban hành Kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 để làm cơ sở thực hiện tại địa phương và đồng thời xây dựng Kế hoạch chi tiết để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo từng năm.

Nhìn chung, hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình đã được các cấp (tỉnh, huyện, xã) tham mưu ban hành đầy đủ theo văn bản hướng dẫn của Trung ương và được bổ sung để phù hợp với đặc thù của tỉnh.

Việc triển khai cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội: UBND tỉnh đã ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; hiện đang trình HĐND tỉnh Nghị quyết lựa chọn huyện thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Hoạt động truyền thông, thông tin

² . Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 19/12/2022; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND; Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND tỉnh ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 02/8/2022; Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/10/2022.

Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường các hoạt động tuyên truyền về công tác giảm nghèo bền vững để kịp thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021 - 2025. Qua đó, toàn tỉnh đã tổ chức xây dựng 04 phóng sự truyền thông về chương trình, sản xuất 93 chương trình phát thanh trên Đài Truyền thanh - Truyền hình (PT-TH) các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập; Thiết kế Infographics, in Pano có nội dung tuyên truyền, nâng cao năng lực thực hiện chương trình giảm nghèo thông tin (Đăng Infographics trên hệ thống màn hình Led, Cổng thông tin điện tử tỉnh; in Pano đặt tại 111 xã, phường, thị trấn); tổ chức 04 hội nghị đối thoại, tham vấn, giải đáp thắc mắc cho người nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao về các chính sách như: Tín dụng ưu đãi; hỗ trợ về giáo dục, đào tạo cho học sinh, sinh viên; hỗ trợ y tế; hỗ trợ dạy nghề. . .

Đài PT-TH và Báo Bình Phước đã đăng tin, phát sóng các tin thời sự về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và giảm nghèo đồng bào DTTS; tăng cường số giờ tuyên truyền trên đài phát thanh tại các xã, phường, thị trấn; Ngoài ra, UBND cấp huyện, xã đã thực hiện tuyên truyền trên đài truyền thanh và tuyên truyền trực tiếp thông qua sinh hoạt hội đoàn thể của thôn, ấp, tổ dân phố, thông qua vai trò của già làng, người có chức sắc, uy tín tại địa phương.

Nhìn chung các hoạt động truyền thông đã được các đơn vị triển khai đồng bộ, tuy nhiên nội dung và hình thức tuyên truyền chưa phong phú nên chưa có kết quả cao, vẫn còn tâm lý cho rằng việc thực hiện giảm nghèo là trách nhiệm của nhà nước, chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với người nghèo và người nghèo đồng bào DTTS.

4. Công tác giám sát, đánh giá

Việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình cũng được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo và các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh thực hiện nghiêm; Năm 2021, tỉnh kiểm tra việc thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS tại các huyện (Bù Đăng, Bù Gia Mập, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Phú Riềng), nơi có nhiều hộ nghèo là đồng bào DTTS. Năm 2023, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình tại 06 huyện. Năm 2024, đã thực hiện giám sát 02 đợt tại 08 huyện và sẽ tiếp tục triển khai giám sát tại 04/11 huyện vào giữa tháng 11/2024.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện tiểu dự án 1 thuộc dự án 3 tại các huyện, thị xã, thành phố; năm 2023, kiểm tra, giám sát trực tiếp tại các huyện Bù Đăng, Phú Riềng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh; năm 2024 kiểm tra, giám sát trực tiếp tại các huyện Lộc Ninh, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú; kiểm tra, giám sát gián tiếp qua báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

1. Nguồn Vốn đầu tư công (Trung ương, tỉnh):

Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Chương trình là 260 tỷ 111 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 10 tỷ 111 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh là 250 tỷ đồng. Lũy kế kế hoạch vốn đầu tư công đã giao giai đoạn 2021-2024 là 184 tỷ 054 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 7 tỷ 654 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương là 176 tỷ 400 triệu đồng.

Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2024 là 158 tỷ 394 triệu đồng, đạt 86,1% kế hoạch, cụ thể: Năm 2021 đã giao 80 tỷ đồng, thực hiện giải ngân là 76 tỷ 248 triệu đồng, đạt 95,3% kế hoạch; năm 2022 đã giao 64 tỷ 876 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương là 876 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh là 64 tỷ đồng, thực hiện giải ngân là 63 tỷ 464 triệu đồng, đạt 97,8% kế hoạch; năm 2023 đã giao 20 tỷ 079 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương là 3 tỷ 079 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh là 17 tỷ đồng, thực hiện giải ngân là 18 tỷ 682 triệu đồng, đạt 93% kế hoạch; năm 2024 đã giao 19 tỷ 099 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương là 3 tỷ 699 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh là 15 tỷ 400 triệu đồng.

2. Nguồn vốn sự nghiệp (Trung ương hỗ trợ và tỉnh đối ứng):

- Tổng nguồn năm 2022 được giao: 22.258 triệu đồng, số đã phân bổ là 22.258 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 21.376 triệu đồng, ngân sách tỉnh 882 triệu đồng); đã giải ngân 15.509 triệu đồng đạt 67,9%

- Tổng nguồn năm 2023 được giao là: 58.458 triệu đồng, số đã phân bổ là 45.323 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 42.674 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 2.649 triệu đồng). Số còn lại chưa phân bổ là 13.135 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 8.159 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 4.976 triệu đồng); đã giải ngân 17.499 triệu đồng, đạt 43,5%.

- Tổng nguồn năm 2024 được giao: 41.235 triệu đồng, đã phân bổ: 31.903 (trong đó ngân sách Trung ương là 29.563 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 2.340 triệu đồng), nguồn vốn còn lại chưa phân bổ là 9.332 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 6.293 triệu đồng, Ngân sách tỉnh dự kiến là 3.039 triệu đồng). Đã giải ngân 10.011 triệu đồng, đạt 31,3%.

3. Nguồn huy động khác

a) Hỗ trợ nhà ở: từ năm 2021-2023, Ban vận động Quỹ “vì người nghèo” đã huy động kinh phí xây dựng mới 3.341 căn nhà “Đại đoàn kết” cho hộ nghèo với tổng kinh phí 202.735 triệu đồng; năm 2024 dự kiến hỗ trợ cho 476 căn. Công tác vận động, quản lý sử dụng quỹ “Vì người nghèo” được Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam và Ban vận động quỹ ở các địa phương quan tâm chỉ đạo sát sao; Việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đạt hiệu quả và theo đúng quy định; Công tác hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết và thực hiện các chương trình an sinh xã hội cho người nghèo được thực hiện nghiêm túc.

b) Chính sách tín dụng ưu đãi

- Năm 2021: 844 lượt hộ nghèo với doanh số cho vay 33.177 triệu đồng, 2.056 lượt hộ cận nghèo với doanh số cho vay 88.748 triệu đồng, 2.867 hộ mới thoát nghèo với doanh số cho vay là 117.156 triệu đồng.

- Năm 2022: 1.456 lượt hộ nghèo với doanh số cho vay 85.609 triệu đồng, 2.424 lượt hộ cận nghèo với doanh số cho vay 136.868 triệu đồng, 4.296 lượt hộ mới thoát nghèo với doanh số cho vay là 207.378 triệu đồng.

- Năm 2023: 626 lượt hộ nghèo với doanh số cho vay 44.245 triệu đồng, 1.413 lượt hộ cận nghèo với doanh số cho vay 96.46 triệu đồng, 3.807 lượt hộ mới thoát nghèo với doanh số cho vay là 220.004 triệu đồng;

- 06 tháng đầu năm 2024: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã cho vay vốn ưu đãi cho 338 lượt hộ nghèo với doanh số cho vay 22.801 triệu đồng, 855 lượt hộ cận nghèo với doanh số cho vay 52.678 triệu đồng, 2.328 lượt hộ thoát nghèo với doanh số 140.068 triệu đồng.

Hoạt động tín dụng chính sách đã góp phần tích cực trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

Theo Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện “Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025” theo đó “bình quân mỗi năm giảm 2.000 đến 2.500 hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, trong đó giảm 1.000 hộ nghèo DTTS”, so với Kế hoạch, chỉ tiêu này đạt, cụ thể:

Năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,89% (giảm 2.378 hộ theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều); năm 2022 thực hiện theo chuẩn nghèo mới, tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,73% (giảm 2.481 hộ); năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,63% (giảm 2.200 hộ); Đầu năm 2024 toàn tỉnh còn 1.121 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,4%, dự kiến năm 2024 tiếp tục giảm 500 hộ nghèo, tương ứng giảm 0,18%; ước cuối năm 2024 tổng số hộ nghèo toàn tỉnh còn 0,22% trên tổng số hộ dân (hộ nghèo bảo trợ xã hội, không có khả năng thoát nghèo 308 hộ). Năm 2025, dự kiến tiếp tục giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 0,08% trên tổng số hộ dân.

100% cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo vào cuối năm 2022, năm 2023, năm 2024 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi về giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. . .

Nhằm nâng cao tỷ lệ người dân được thụ hưởng quyền lợi về chính sách Bảo hiểm y tế, trong đó có người DTTS, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 03 Nghị quyết: (1) Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (BHYT) cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025; (2) Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày

09/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2024 - 2025.

Kết quả thực hiện như sau: Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND đã hỗ trợ cho 38.334 lượt người với kinh phí 3.661 triệu đồng; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND: năm 2022 ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 70% mức đóng BHYT, năm 2023 ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 65% mức đóng BHYT cho 110.122 lượt người với kinh phí: 24.149 triệu đồng; Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND số lượt người dự kiến được hỗ trợ đóng BHYT hằng năm giai đoạn 2024-2025 là 98.945 lượt người, với kinh phí 32.832 triệu đồng/năm. Trong đó, hằng năm hỗ trợ cho 59.166 lượt người DTTS, với kinh phí 19.688 triệu đồng.

Các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện theo quy định sẽ được thụ hưởng các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững.

Công tác giảm nghèo cho đồng bào DTTS được quan tâm, được tỉnh đầu tư nguồn lực để thực hiện. Hàng năm, UBND tỉnh giao cho các huyện, thị xã chỉ tiêu giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS. Qua các năm thực hiện chỉ tiêu giảm 1.000 hộ nghèo DTTS đều đạt và vượt so với Kế hoạch (năm 2021 giảm 1.284 hộ nghèo, năm 2022 giảm 1.198 hộ nghèo, năm 2023 giảm 1.367 hộ nghèo). Chương trình mỗi năm giảm 1.000 hộ nghèo DTTS của tỉnh đã phát huy hiệu quả tích cực, mỗi năm giúp cho hàng ngàn hộ nghèo là người đồng bào DTTS thoát nghèo, ổn định cuộc sống.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự nỗ lực của các đơn vị, địa phương và sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp Chương trình được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Ngay từ năm đầu giai đoạn đã triển khai xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình; đây là cơ sở pháp lý quan trọng, để các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai Chương trình. Việc triển khai thực hiện Chương trình luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và sự tham gia của cộng đồng; Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ nghèo đa chiều năm sau giảm so với năm trước (năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,89%; năm 2022 tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,73%; năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,63%; ước năm 2024 tiếp tục giảm 500 hộ nghèo). Một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...).

- Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS được triển khai kịp thời, mang lại hiệu quả thiết thực cho các hộ nghèo, từ 2021-2023 đã có 3.849

hộ nghèo là đồng bào DTTS thoát nghèo, giúp hộ nghèo đồng bào DTTS được tiếp cận gần hơn với các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, tiếp cận các dịch vụ xã hội ngày càng đầy đủ và chất lượng hơn.

- Việc phân bổ nguồn vốn đúng quy định, sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng mục tiêu, không dàn trải, thực hiện tốt công khai minh bạch các nguồn vốn thực hiện Chương trình; lồng ghép sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực khác; việc huy động, đóng góp của người dân được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bàn bạc dân chủ; Công tác huy động nguồn lực được các địa phương, các đoàn thể tích cực thực hiện để đầu tư cho công tác giảm nghèo bền vững, nổi bật là UBMTTQ tỉnh với chương trình hỗ trợ nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Mặc dù các cấp, các ngành đã rất khẩn trương, quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hệ thống văn bản và tổ chức thực hiện chương trình. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân các nguồn vốn chương trình nhìn chung còn chậm, chưa đạt kế hoạch đề ra do những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân khách quan:

Bình Phước hiện có 41 dân tộc, chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp; Xuất phát điểm kinh tế - xã hội thấp, đa số hộ DTTS nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, khả năng tiếp cận với các điều kiện sản xuất mới và các dịch vụ còn hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Số lượng văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình lớn. Đến nay, còn một nội dung chưa được hướng dẫn (đối tượng “người lao động có thu nhập thấp” thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4). Một số văn bản của Trung ương chưa sát với thực tế nên gây khó khăn cho cơ sở khi triển khai thực hiện (đã có 01 Nghị định, 01 Quyết định và 04 Thông tư phải sửa đổi, bổ sung). Việc sửa đổi, bổ sung còn chậm gây rất nhiều khó khăn cho địa phương trong triển khai thực hiện các hoạt động.

+ Các địa phương cùng một lúc phải tập trung triển khai nhiệm vụ để giải ngân các nguồn vốn được chuyển nguồn từ năm 2022, 2023 sang thực hiện trong năm 2024 và cả nguồn vốn năm 2024; đồng thời triển khai cả 03 Chương trình MTQG với nguồn kinh phí rất lớn khiến cho các địa phương khó khăn trong việc lồng ghép các nguồn vốn vừa tránh trùng lặp đối tượng thụ hưởng. Bên cạnh đó có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên bị bệnh, bị khuyết tật không có khả năng lao động nên không thể tham gia các dự án, mô hình phát triển sản xuất, dẫn đến việc lựa chọn đối tượng thụ hưởng của các dự án mất rất nhiều thời gian.

+ Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở hầu hết là kiêm nhiệm nhiều công việc, thường xuyên thay đổi gây rất nhiều khó khăn khi triển khai các hoạt động.

+ Một bộ phận nhỏ người nghèo và người nghèo đồng bào DTTS vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục thực hiện phân cấp và trao quyền ở cơ sở để đảm bảo thực hiện các chính sách, dự án hiệu quả, đồng thời tăng cường năng lực cũng như trách nhiệm của chính quyền các cấp ở cơ sở. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị nhất là nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị.

2. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong việc thực hiện chương trình và việc lồng ghép đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình; Tập trung triển khai hiệu quả các dự án của Chương trình; sử dụng nguồn lực đầu tư đúng mục tiêu, đúng quy định. Đẩy mạnh công tác xây dựng nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, giải quyết việc làm bền vững, đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, nhu cầu của từng nhóm đối tượng để tạo sinh kế bền vững, biết cách làm ăn, thu nhập ổn định vươn lên thoát nghèo.

3. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ khó khăn và ngăn chặn những tiêu cực (nếu có). Phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật trong thực hiện Chương trình.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền